

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134./CV-DLG

Gia Lai, ngày 30 tháng 7 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Mã chứng khoán: DLG

Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Cao Châu

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2020;
- BCTC riêng lẻ quý 2 năm 2020;
- BCTC hợp nhất quý 2 năm 2020;
- Công văn số 133./2020/CV-DLGL ngày 30/07/2020 về việc giải trình liên quan BCTC quý 2 năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/7/2020 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



TRẦN CAO CHÂU

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI**

Số : 133 /2020/CV-DLGL

"V/v giải trình liên quan BCTC

Quý 2 năm 2020"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Pleiku, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Kính gửi : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 2 năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai xin giải trình khoản lỗ và biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Quý 2/2020 như sau:

I. Bảng thể hiện các thay đổi trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ quý 2/2020 so với cùng kỳ năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/ giảm
		Quý 2 Năm 2020	Quý 2 Năm 2019		
1	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	79.584.385.835	115.748.151.458	(36.163.765.623)	(31,24)
2	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	79.584.385.835	115.748.151.458	(36.163.765.623)	(31,24)
3	Giá vốn hàng bán	92.882.040.482	116.219.149.567	(23.337.109.085)	(20,08)
4	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	(13.297.654.647)	(470.998.109)	(12.826.656.538)	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	45.355.236.155	100.675.272.137	(55.320.035.982)	(54,95)
6	Chi phí tài chính	82.752.829.062	47.075.971.137	35.676.857.925	75,79
7	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>59.977.383.027</i>	<i>37.234.171.789</i>	<i>22.743.211.238</i>	<i>61,08</i>
8	Chi phí bán hàng	67.236.354	157.738.373	(90.502.019)	(57,37)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	159.931.418.545	10.112.937.840	149.818.480.705	1481,45
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(210.693.902.453)	42.857.626.678	(253.551.529.131)	
11	Thu nhập khác	17.160.000	12.199.842	4.960.158	40,66
12	Chi phí khác	5.597.248.515	732.265.366	4.864.983.149	664,37
13	Lợi nhuận khác	(5.580.088.515)	(720.065.524)	(4.860.022.991)	674,94
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(216.273.990.968)	42.137.561.154	(258.411.552.122)	
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành		9.897.487.482	(9.897.487.482)	
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(216.273.990.968)	32.240.073.672	(248.514.064.640)	

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này giảm 258 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng các nguyên nhân chính như sau :

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, một số lĩnh vực ngành nghề hoạt động giảm mạnh dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 36,16 tỷ đồng, tương ứng giảm 31,24 % so với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu giảm, giá vốn trong kỳ cũng giảm nên lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng giảm 12,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 55,3 tỷ đồng do trong kỳ không phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi phí tài chính tăng 35,67 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, do Công ty ghi nhận thêm chi phí lãi vay và trích lập các khoản dự phòng đầu tư tài chính tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 149,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, do Công ty đánh giá lại các khoản công nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC.

- Chi phí khác tăng 4,86 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, do trong kỳ chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng tăng.

Đây chính là các nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2020 giảm 248,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

II. Bảng thể hiện các thay đổi trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 2/2020 so với cùng kỳ năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/ giảm
		Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019		
1	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch	489.740.477.207	789.883.642.268	(300.143.165.061)	(38,00)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.193.377.954	187.750.065	1.005.627.889	535,62
3	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	488.547.099.253	789.695.892.203	(301.148.792.950)	(38,13)
4	Giá vốn hàng bán	411.328.117.099	661.388.438.852	(250.060.321.753)	(37,81)
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.218.982.154	128.307.453.351	(51.088.471.197)	(39,82)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	45.326.142.323	103.437.226.499	(58.111.084.176)	(56,18)
7	Chi phí tài chính	109.626.123.590	98.661.241.402	10.964.882.188	11,11
	Trong đó: Chi phí lãi vay	107.601.593.223	89.730.482.285	17.871.110.938	19,92
8	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(262.580.285)	(54.008.063)	(208.572.222)	
9	Chi phí bán hàng	4.782.367.304	8.591.966.433	(3.809.599.129)	(44,34)
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	209.672.901.550	50.772.000.100	158.900.901.450	312,97
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(201.798.848.252)	73.665.463.852	(275.464.312.104)	
12	Thu nhập khác	1.440.133.178	7.420.715.257	(5.980.582.079)	(80,59)
13	Chi phí khác	6.652.630.557	3.750.505.935	2.902.124.622	77,38
14	Lợi nhuận khác	(5.212.497.379)	3.670.209.322	(8.882.706.701)	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(207.011.345.631)	77.335.673.174	(284.347.018.805)	
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.004.592.974	19.174.145.987	(17.169.553.013)	(89,55)
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.297.743.640	1.449.454.102	2.848.289.538	196,51
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(213.313.682.245)	56.712.073.085	(270.025.755.330)	

Trong Quý 2/2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước và nước ngoài có nhiều biến động lớn làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

+ Trong 6 tháng đầu năm nay khi tình hình dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con cũng như Công ty mẹ đều bị ảnh hưởng. Đặc biệt là Công ty TNHH Mass Noble Investments có các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông, doanh thu trong Quý 2/2020 đạt 297,8 tỷ đồng giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước. Riêng các ngành nghề mua bán phân bón, cà phê, tiêu, chè ... bị ảnh hưởng bởi thiên tai,

hạn hán cũng như chịu sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 vì các đối tác khách hàng cũng thu gọn quy mô, hạn chế hoạt động cung ứng trong giai đoạn này. Dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ giảm 300 tỷ đồng và giá vốn hàng bán giảm 301,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm 58,1 tỷ đồng do Công ty mẹ không có phát sinh sinh thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi phí tài chính tăng 10,9 tỷ đồng tương ứng tăng 11% so với cùng kỳ năm 2019 do trong kỳ Công ty ghi nhận thêm chi phí lãi vay và Công ty mẹ trích lập các khoản dự phòng đầu tư tài chính tăng.

- Chi phí bán hàng giảm vì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ tăng cao so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu Công ty mẹ đánh giá lại các khoản công nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC và duy trì bộ máy quản lý đối với một số lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi Covid – 19.

- Thu nhập khác trong kỳ giảm vì Công ty TNHH Mass Noble Investments giảm thu nhập khác của so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi phí khác trong kỳ tăng chủ yếu do Công ty mẹ và Công ty con phát sinh tăng chi phí khấu hao của tài sản cố định không sử dụng so với cùng kỳ năm 2019.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm do tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm so với cùng kỳ năm 2019. Chi phí thuế TNDN hoãn lại cao hơn do hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại công ty mẹ trong kỳ cao hơn kỳ trước nên chi phí thuế TNDN hoãn lại Quý 2/2020 tăng 2,8 tỷ so với cùng kỳ năm 2019.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2020 giảm 270 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

Trên đây là giải trình của Công ty khoản lỗ và biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 2/2020.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT.



Trần Cao Châu